

CÔNG TY TNHH TANEYA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 01/CV-MT

Bắc ninh, ngày 23 tháng 07 năm 2025

V/v Công khai thông tin môi trường của cơ sở

Thành lập Công ty TNHH TANEYA"
UBND PHƯỜNG YÊN DŨNG

ĐẾN	Số: 1197
	Ngày: 23/7/2025
Chuyên:	
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Ủy ban nhân dân phường Yên Dũng

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường

Theo điểm a, điểm b khoản 1 của Điều 102 tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 thì cơ sở công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở hoặc tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, phường nơi thực hiện của cơ sở.

Cơ sở đã được phê duyệt giấy phép môi trường số 533/QĐ-UBND ngày 20/5/2025 do Ủy ban nhân dân Tỉnh Bắc Giang cấp (Có Quyết định kèm theo).

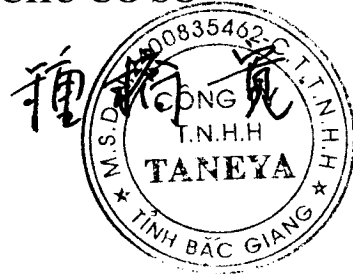
Công ty TNHH TANEYA kính đề nghị Ủy ban nhân dân phường Yên Dũng xem xét và công khai trên trang điện tử của phường giúp Công ty./.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VTCT.

CHỦ CƠ SỞ



GIAM ĐỐC
TANEHASHI HIROSHI



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG

Số: 533 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày 20 tháng 5 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường¹: số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc quy định một số nội dung thực hiện đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của: Công ty TNHH Taneya tại Văn bản số 13/CV-MT ngày 13/5/2025 và hồ sơ kèm theo; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Giang tại Tờ trình số 319/TTr-SNNMT ngày 16/5/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Taneya, địa chỉ trụ sở chính tại một phần Lô số CN-04, Cụm công nghiệp (CCN) Yên Lư, xã Yên Lư, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy gia công lắp ráp các sản phẩm kim loại” tại Lô B9, Khu công nghiệp (KCN) Song Khê-Nội Hoàng (phía Bắc), thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (từ ngày 02/8/2018 đến tháng 12/2026) và một phần Lô số CN-04, CCN Yên Lư, xã Yên Lư, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy gia công lắp ráp các sản phẩm kim loại.

1.2. Địa điểm hoạt động:

¹ nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường

- Địa điểm 1: Lô B9 (thuê nhà xưởng của Công ty CP Xuất nhập khẩu Bắc Giang), KCN Song Khê-Nội Hoàng (phía Bắc), thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (từ ngày 02/8/2018 đến tháng 12/2026) (sau đây gọi là địa điểm 1).

- Địa điểm 2: Một phần Lô số CN-04, CCN Yên Lư, xã Yên Lư, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (thuê đất của Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ thương mại Tuấn Quỳnh) (sau đây gọi là địa điểm 2).

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 2400835462 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp đăng ký lần đầu ngày 04/4/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 10/01/2025.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 9882647574 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang² cấp chứng nhận điều chỉnh lần thứ 05 ngày 17/02/2025.

1.4. Mã số thuế: 2400835462.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

Gia công cơ khí xử lý và trang phủ kim loại, chi tiết: Gia công, xi mạ các thiết bị sản phẩm kim loại dùng trong lĩnh vực gia dụng, ô tô, xe máy, điện tử, sản xuất đồ chơi (chi tiết: vòng đệm, bu lông, đai ốc, đầu trục, thanh trục ngang, trục lăn, ghim, bánh răng, lò so, ốc vít, tem nhãn hiệu).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

* Diện tích: 8.189 m², trong đó:

- Địa điểm 1: Diện tích 2.536 m².

- Địa điểm 2: Diện tích 5.653 m².

* Nhóm dự án:

- Cơ sở chi tiêu chi như dự án đầu tư nhóm C (phần loại chi quy định của pháp luật về đầu tư công); thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất nhỏ³, có yếu tố nhạy cảm về môi trường⁴.

- Cơ sở chi tiêu chi về môi trường như dự án đầu tư nhóm II⁵ theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP), Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

² từ ngày 01/3/2025 là Sở Tài chính tỉnh Bắc Giang (được thành lập trên cơ sở hợp nhất Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư).

³ quy định tại STT 10, mục II, Phụ lục II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi tại mục 2 Phụ lục kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP (STT 10, mục II, Phụ lục II).

⁴ quy định tại điểm a khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

⁵ quy định tại STT 3 mục I, Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi tại mục 4 Phụ lục kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP (STT 2, mục I, Phụ lục IV).

* Công suất và quy trình công nghệ sản xuất của các dây chuyền sản xuất được xem xét cấp phép tại Giấy phép môi trường:

- Công suất: Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại, chi tiết: Gia công, xi mạ các thiết bị sản phẩm kim loại dùng trong lĩnh vực gia dụng, ô tô, xe máy, điện tử, sản xuất đồ chơi (chi tiết vòng đệm, bu lông, đai ốc, đầu trục, thanh trục ngang, trục lăn, ghim, bánh răng, lò so, ốc vít, tem nhãn hiệu) với quy mô: 50.000.000 sản phẩm/năm, tương đương 900 tấn/năm.

- Quy trình công nghệ sản xuất của các dây chuyền sản xuất của cơ sở tại địa điểm 1:

Nguyên liệu kim loại nhôm, sắt, thép (phôi – hàng thô) → Gia công tạo hình sản phẩm → Kiểm tra → Mạ sản phẩm → Kiểm tra độ dày lớp mạ → Đóng gói - nhập kho, xuất hàng.

+ Chi tiết quy trình mạ:

++ Quy trình xử lý trước mạ:

Chi tiết kim loại → Tẩy dầu mỡ → Bể rửa → Bể siêu âm → Bể rửa → Bể rửa axit → Bể rửa → Bể mài hóa học → Bể rửa → Sản phẩm được chuyển sang bước mạ tiếp theo.

++ Quy trình mạ Ni:

Chi tiết kim loại đã được xử lý trước mạ → Bể xử lý nhiệt → Bể rửa → Bể tẩy gi → Bể rửa → Mạ Niken hóa học → Bể axit → Bể rửa → Bể mạ phủ → Bể nước nóng → Sấy → Kiểm tra sản phẩm → Đóng gói - nhập kho, xuất hàng.

++ Quy trình mạ (Cu+Ni):

Chi tiết kim loại đã được xử lý trước mạ → Mạ đồng Xyanua → Bể rửa → Mạ lót Ni → Bể rửa → Bể mạ Niken điện → Bể rửa → Bể mạ Niken không điện → Bể rửa → Bể nước nóng → Sấy → Kiểm tra sản phẩm → Đóng gói- nhập kho, xuất hàng.

- Quy trình công nghệ sản xuất của các dây chuyền sản xuất của cơ sở tại địa điểm 2: Thực hiện các quy trình công nghệ sản xuất như tại địa điểm 1 và cơ sở bổ sung thêm một số quy trình mạ Au và mạ Zn, quy trình rửa sản phẩm sau gia công. Các dây chuyền mạ của chủ cơ sở đang hoạt động tại địa điểm 1 sẽ được di chuyển sang địa điểm 2 để phục vụ sản xuất. Các quy trình công nghệ sản xuất chủ cơ sở bổ sung thêm như sau:

++ Quy trình rửa sản phẩm sau gia công:

Chi tiết kim loại → Bể rửa axit → Bể rửa → Bể rửa nước nóng → Bể tẩy dầu → Bể siêu âm → Bể rửa → Bể tẩy dầu → Bể siêu âm → Bể nhúng dầu chống rỉ → Kiểm tra sản phẩm → Đóng gói - nhập kho, xuất hàng.

++ Quy trình mạ Au:

Chi tiết kim loại đã được xử lý trước mạ → Tẩy dầu điện phân → Bể rửa nước 1 → Bể rửa nước 2 → Rửa axit → Bể mài → Bể rửa nước 1, 2 → Bể rửa axit → Bể xúc tác Pb 1, 2 → Bể rửa 1, 2 → Mạ niken không điện → Bể rửa nước 1, 2 → Mạ palladium → Bể rửa 1,2 → Mạ Au không điện → Bể thu hồi Cyanua → Bể rửa 1, 2 → Sấy → Kiểm tra → Đóng gói - nhập kho, xuất hàng.

++ Quy trình mạ Zn:

Chỉ tiết kim loại đã được xử lý trước mà → Bê ruxa 1 → Bê ruxa 2 → bê tẩy dầu điện phân → Bê ruxa → Bê mà Zn → Bê ruxa → Bê ruxa axit → Bê ruxa → Bê Cr³⁺ → Bê ruxa 1, 2 → Sậy tự nhiên → Kiểm tra → Dòng gói - nhập kho, xuất hàng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo
2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khi thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Taneya được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty TNHH Taneya có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Taneya có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, dùng quy trình công nghệ xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khác phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh Bắc Giang, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Giang, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang, UBND thành phố Bắc Giang nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo với UBND tỉnh Bắc Giang, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Giang, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang, UBND thành phố Bắc Giang để kiểm tra, xem xét, giải quyết theo quy định.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này được ký ban hành.

Quyết định số 529/QĐ-UBND ngày 07/9/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Nhà máy gia công lắp ráp các sản phẩm kim loại” tại Lô B9, KCN Song Khê - Nội Hoàng, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang do Công ty TNHH Taneya làm chủ dự án và các giấy phép môi trường thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Giang chủ trì, phối hợp với Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang, UBND thành phố Bắc Giang, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở “Nhà máy gia công lắp ráp các sản phẩm kim loại” tại Lô B9, KCN Song Khê-Nội Hoàng (phía Bắc), thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (từ ngày 02/8/2018 đến tháng 12/2026) và một phần Lô số CN-04, CCN Yên Lư, xã Yên Lư, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang do Công ty TNHH Taneya làm chủ cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Giang, Đoàn kiểm tra cấp Giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy gia công lắp ráp các sản phẩm kim loại” được thành lập theo Quyết định số 375/QĐ-SNNMT ngày 11/4/2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Giang: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy gia công lắp ráp các sản phẩm kim loại” và kết quả thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt các nội dung nêu trên đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh Bắc Giang, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Giang, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Giang, Sở Công Thương tỉnh Bắc Giang, Sở Xây dựng tỉnh Bắc Giang, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang, Chi cục Thuế khu vực VI; Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang; Chủ tịch UBND phường Song Khê; Chủ tịch UBND xã Yên Lư; Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Bắc Giang; Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ thương mại Tuấn Quỳnh; Công ty TNHH Taneya và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Phòng BVMT thuộc Sở NN&MT (lưu h/s);
- Công ty TNHH Taneya (trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công);
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, TH, KTN; Công thông tin điện tử tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, MT. Toàn

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Văn Thịnh

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày /5/2025 của UBND tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Cơ sở không thuộc trường hợp phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, với lý do:

* Tại địa điểm 1 (từ ngày 02/8/2018 đến tháng 12/2026):

- Nước thải sinh hoạt: Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ, công nhân làm việc tại cơ sở được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 3.000 m³/ngày đêm do Công ty CP Xuất nhập khẩu Bắc Giang (đơn vị cho thuê nhà xưởng) xây dựng và quản lý vận hành để xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (theo Biên bản thoả thuận về việc đấu nối và xử lý nước thải sinh hoạt ngày 25/6/2018 giữa Công ty CP Xuất nhập khẩu Bắc Giang và Công ty TNHH Taneya), sau đó xả thải ra môi trường; cơ sở không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải, từ quá trình xử lý trước mạ; từ quá trình mạ Ni và quá trình mạ (Cu+Ni) của cơ sở sau khi xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 15 m³/ngày đêm đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B được đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Song Khê-Nội Hoàng (phía Bắc), thành phố Bắc Giang (do Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Bắc Giang xây dựng và quản lý vận hành) để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận (theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ xử lý nước thải số 20/2021/HĐKT/XLNT-SKNH ngày 01/3/2021 giữa Công ty TNHH Taneya và Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Bắc Giang); cơ sở không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

* Tại địa điểm 2:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ, công nhân làm việc tại cơ sở được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10 m³/ngày đêm.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải, từ quá trình xử lý trước mạ; từ quá trình rửa sản phẩm sau gia công; từ quá trình mạ Ni; từ quá trình mạ (Cu+Ni); từ quá trình mạ Zn và quá trình mạ Au của cơ sở được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 20 m³/ngày đêm.

Toàn bộ nước thải sinh hoạt sau khi xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10 m³/ngày đêm và nước thải sản xuất sau khi xử lý tại hệ thống

xử lý nước thải sản xuất công suất 20 m³/ngày đêm của cơ sở đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B; từ ngày 01/9/2025, áp dụng theo QCVN 40:2025/BTNMT, cột C) được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của CCN Yên Lư, thành phố Bắc Giang (do Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ thương mại Tuấn Quỳnh xây dựng, quản lý và vận hành) để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận (theo Văn bản số 1031/TQ-YL ngày 10/03/2025 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ thương mại Tuấn Quỳnh về việc chấp thuận đầu nối hạ tầng kỹ thuật của dự án Nhà máy gia công lắp ráp các sản phẩm kim loại với dự án Cụm công nghiệp Yên Lư, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang); cơ sở không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có)

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

* Tại địa điểm 1 (từ ngày 02/8/2018 đến tháng 12/2026):

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt từ các khu vệ sinh được xử lý sơ bộ tại 02 bể tự hoại 3 ngăn do Công ty CP Xuất nhập khẩu Bắc Giang xây dựng sẵn, tổng thể tích 40 m³ (thể tích 20 m³/bể), sau đó được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 3.000 m³/ngày đêm của Công ty CP Xuất nhập khẩu Bắc Giang để xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A trước khi xả thải ra môi trường.

- Nước thải sản xuất:

+ Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình xử lý khí thải được thu gom bằng đường ống uPVC D90, chiều dài khoảng 10m dẫn về bể điều hoà - Nước thải có thành phần khác của hệ thống xử lý nước thải sản xuất để xử lý.

- Nước thải từ quá trình xử lý trước mạ và mạ Ni, mạ (Cu+ Ni) của cơ sở được thu gom, xử lý như sau:

+ Nước thải chứa Xyanua được thu gom bằng đường ống uPVC D90, chiều dài khoảng 20m về bể điều hoà - Nước thải có chứa Xyanua của hệ thống xử lý nước thải sản xuất để xử lý.

+ Nước thải từ các bể khác được thu gom bằng các đường ống uPVC D90 với tổng chiều dài khoảng 150m về bể điều hoà - Nước thải có thành phần khác của hệ thống xử lý nước thải sản xuất để xử lý.

* Tại địa điểm 2:

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của cơ sở sau khi được xử lý sơ bộ qua 3 bể tự hoại 3 ngăn với tổng thể tích 23 m³ (gồm: 02 bể thể tích 10 m³/bể, 01 bể thể tích 3 m³), sau đó theo đường ống PVC 140 với chiều dài khoảng 10m và đường ống PVC 160 với chiều dài khoảng 93,8m (dọc tuyến thu gom nước thải có bố trí 06 hố ga lắng cặn) dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10 m³/ngày đêm của cơ sở để xử lý.

- Nước thải sản xuất:

+ Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải được thu gom bằng đường ống uPVC D90 có chiều dài khoảng 10m dẫn về hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 20 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nước thải từ quá trình xử lý trước mà, từ quá trình rửa sản phẩm sau gia công; từ quá trình mà Ni; từ quá trình mà (Cu+Ni); từ quá trình mà Zn và quá trình mà Au được thu gom, xử lý như sau:

+ Nước thải chứa Xianua từ quá trình mà Au, mà (Cu + Ni) được thu gom riêng biệt bằng các đường ống uPVC D60 với tổng chiều dài đầu ra của các bể này và dẫn chung vào đường ống uPVC D110 với tổng chiều dài khoảng 20m, sau đó chảy về bể chứa nước thải chứa Xyanua kích thước 2,4m x 0,85m x 1,8m và được thu gom, xử lý cùng chất thải nguy hại.

+ Nước thải đậm đặc từ quá trình xử lý trước mà, từ quá trình rửa sản phẩm sau gia công; từ quá trình mà Ni; từ quá trình mà (Cu+Ni); từ quá trình mà Zn và quá trình mà Au, được thu gom bằng các đường ống uPVC D60 có tổng chiều dài khoảng 10m tại đầu ra của các bể này và dẫn chung vào đường ống uPVC D110 có chiều dài khoảng 20m, sau đó chảy về bể chứa nước thải đậm đặc kích thước 2,4m x 0,85m x 1,8m và được thu gom, xử lý cùng chất thải nguy hại.

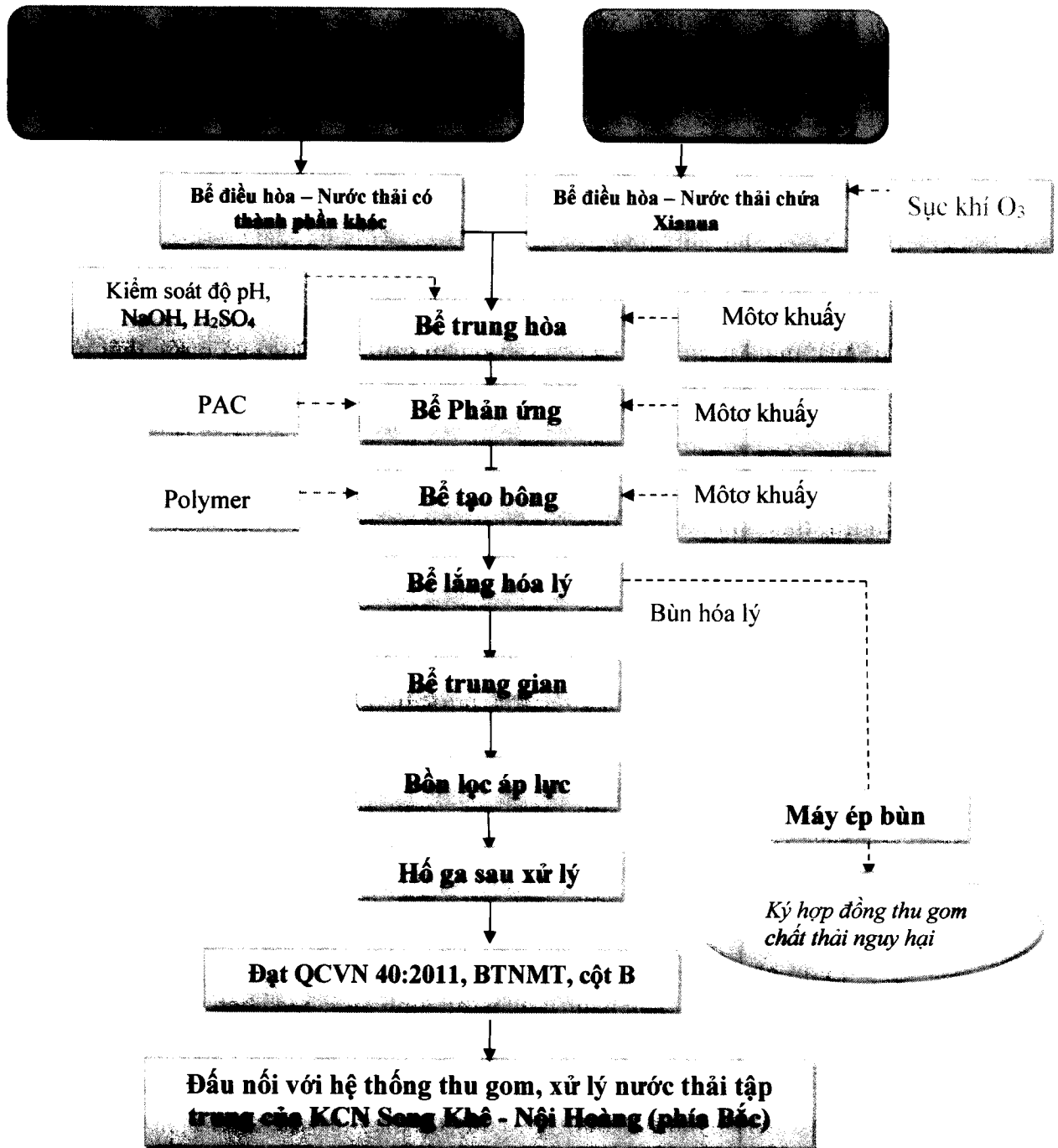
+ Nước thải chứa kẽm (Zn) từ quá trình mà Zn được thu gom bằng đường ống uPVC D60 có chiều dài khoảng 2m tại đầu ra của các bể này và dẫn chung vào đường ống uPVC D110 có chiều dài 20m, sau đó chảy về bể chứa nước thải chứa kẽm kích thước 2,4m x 0,85m x 1,8m và được thu gom, xử lý cùng chất thải nguy hại.

+ Nước thải còn lại (từ các quá trình: xử lý trước mà; mà Ni; mà (Cu+Ni); mà Au, mà Zn và rửa sản phẩm sau gia công): Được thu gom bằng đường ống uPVC D60 có tổng chiều dài khoảng 60m tại đầu ra của các bể này và thu chung vào đường ống uPVC D110 có chiều dài 25m dẫn về hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 20 m³/ngày đêm của cơ sở để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

* Tải địa điểm 1 (từ ngày 02/8/2018 đến tháng 12/2026):

- Tổng tải quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 15 m³/ngày đêm của cơ sở:



- Công suất thiết kế: 15 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Axit H₂SO₄: 75kg/tháng; NaOH: 150 kg/tháng; PAC: 60kg/tháng; PAM: 5kg/tháng.

* Tại địa điểm 2:

- Nước thải sinh hoạt

+ Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10m³/ngày đêm: Nước thải sinh hoạt (sau khi xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn) → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng (Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B; từ ngày 01/9/2025, áp

dụng theo QCVN 40:2025/BTNMT, cột C) → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của CCN Yên Lư, thành phố Bắc Giang.

+ Công suất thiết kế: 10 m³/ngày đêm.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Clorin: 0,5kg/tháng; Dinh dưỡng Methanol: 15kg/tháng; NaOH: 25 kg/tháng; Mật rỉ đường: 10kg/tháng; Men vi sinh: 2kg/tháng.

- Nước thải sản xuất:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 20 m³/ngày đêm: Nước thải còn lại (từ các quá trình: xử lý trước mạ; mạ Ni; mạ (Cu+Ni); mạ Au, mạ Zn và rửa sản phẩm sau gia công) và nước thải từ hệ thống xử lý khí thải → Bể điều hoà → Bể phản ứng → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hoá lý → Bể điều chỉnh pH → Cột lọc áp lực → Bể quan trắc (*Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B: từ ngày 01/9/2025, áp dụng theo QCVN 40:2025/BTNMT, cột C*) → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của CCN Yên Lư, thành phố Bắc Giang.

+ Công suất thiết kế: 20 m³/ngày đêm.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: CaCl₂: 20kg/tháng; NaOH: 300kg/tháng; H₂SO₄: 250 kg/tháng; PAC: 150kg/tháng; Polymer: 10kg/tháng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố: Không có

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

1.4.2.1. Biện pháp phòng ngừa sự cố môi trường

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành); tuân thủ định mức hóa chất. Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Thường xuyên bảo dưỡng và duy tu, thay thế các thiết bị hỏng hóc, các thiết bị vật liệu lọc, thiết bị xử lý để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng hóc (như: Máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác...) để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

1.4.2.2. Biện pháp ứng phó sự cố môi trường

- Trường hợp nước thải phát sinh vượt quá công suất thiết kế phải dừng hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, đồng thời báo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải và phải dừng hoạt động của hệ thống này để khắc phục sự cố, thời gian sửa chữa kéo dài vượt quá khả năng lưu chứa tại các bể của hệ thống xử lý, khi đó chủ cơ sở thực hiện thuê đơn vị có chức năng đến hút nước thải mang đi xử lý theo quy định.

- Nước thải qua hệ thống xử lý nước thải được đánh giá có thể gặp các sự cố như một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh cụ thể:

+ Nếu pH quá thấp hoặc quá cao ngoài giới hạn QCCP thì tiến hành lấy mẫu nước thải sau xử lý, kiểm tra lại, điều chỉnh định mức hóa chất sử dụng cho đến khi kiểm tra mẫu đạt.

+ Nếu thông số chất rắn lơ lửng vượt QCCP, kiểm tra hiệu quả lắng của bể lắng.

Tương tự đối với từng thông số sẽ đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý, chủ cơ sở liên hệ ngay với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống xử lý nước thải để khắc phục, xử lý kịp thời.

1.4.3. Vị trí đầu nổi nước thải:

* Tại địa điểm 1 (từ ngày 02/8/2018 đến tháng 12/2026): 01 vị trí đầu nổi nước thải tại hồ ga B24 của hệ thống thu gom nước thải KCN Song Khê-Nội Hoàng (phía Bắc), thành phố Bắc Giang. Tọa độ vị trí đầu nổi: X=2349950; Y=414626 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107^0 , múi chiếu 3^0).

* Tại địa điểm 2: 01 vị trí đầu nổi nước thải tại hồ ga TNT 10.0 của hệ thống thu gom nước thải CCN Yên Lư, thành phố Bắc Giang. Tọa độ vị trí đầu nổi: X=2343991; Y=417592 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107^0 , múi chiếu 3^0).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 01/2027 đến tháng 6/2027.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải vận hành thử nghiệm:

- 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10 m³/ngày đêm.

- 01 hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 20 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Trước và sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10 m³/ ngày đêm và hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 20 m³/ngày đêm.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	
			QCVN 40:2011/BTNMT, cột B)	QCVN 40:2025/BTNMT, cột C (Áp dụng từ ngày 01/09/2025)
1	Nhiệt độ	°C	40	≤ 40
2	Màu	Pt/Co	150	≤ 150
3	pH	-	5,5-9	6-9
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50	≤ 80
5	COD	mg/l	150	≤ 130
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100	-
7	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	-	≤ 120
8	Crom (III)	mg/l	1	-
9	Tổng Crom (Cr)	mg/l	-	≤ 2,0
10	Kẽm (Zn)	mg/l	3	≤ 5,0
11	Đồng (Cu)	mg/l	2	≤ 3,0
12	Niken (Ni)	mg/l	0,5	≤ 3,0
13	Tổng Xianua	mg/l	0,1	-
14	Xianua (CN ⁻)	mg/l	-	≤ 1,0
15	Sunfua	mg/l	0,5	≤ 1,0
16	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	≤ 12
17	Tổng nitơ	mg/l	40	≤ 60
18	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	6	-
19	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10	-
20	Dầu mỡ khoáng	mg/l	-	≤ 5,0
21	Coliform	vi khuẩn /100ml	5.000	-
22	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/ 100 ml	-	≤ 5.000

2.3 Tần suất lấy mẫu (giai đoạn vận hành ổn định)

* Đối với hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10 m³/ngày đêm

TT	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất lấy mẫu	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí nước thải đầu vào tại bể điều hòa của hệ thông xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10 m ³ / ngày đêm	pH, BOD ₅ , COD, tổng chất rắn lơ lửng, Sunfua, Amoni (tính theo N), dầu mỡ khoáng; Tồng nitơ; Tồng Coliform.	Lấy mẫu đơn 01 lần/ ngày. Thời gian dự kiến lấy mẫu: Ngày: 13/4/2027	QCVN 40:2025/BTN MT, cột C
2	01 vị trí nước thải đầu ra sau hệ thông xử lý nước thải		Lấy mẫu đơn 01 lần/ ngày. trong vòng 03 ngày liên tiếp. Thời gian dự kiến lấy mẫu: - Lần 1: Ngày 13/4/2027 - Lần 2: Ngày 14/4/2027 - Lần 3: Ngày 15/4/2027	

* Đối với hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 20 m³/ngày đêm

TT	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất lấy mẫu	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí nước thải đầu vào tại bể điều hòa của hệ thông xử lý nước thải sản xuất công suất 20 m ³ / ngày đêm	Nhiệt độ, màu, pH, BOD ₅ , COD, Tổng chất rắn lơ lửng, tổng Crom (Cr), Đồng, Kẽm, Niken, Xianua (CN), Sunfua, Amoni (Tinh theo N), Tổng Nitơ, Dầu mỡ khoáng, Tổng Coliform	Lấy mẫu đơn 01 lần/ ngày. Thời gian dự kiến lấy mẫu: Ngày: 13/4/2027	QCVN 40:2025/BTN MT, cột C
2	01 vị trí tại bể quan trắc của hệ thông xử lý nước thải sản xuất công suất 20 m ³ / ngày đêm		Lấy mẫu đơn 01 lần/ ngày. trong vòng 03 ngày liên tiếp. Thời gian dự kiến lấy mẫu: - Lần 1: Ngày 13/4/2027 - Lần 2: Ngày 14/4/2027 - Lần 3: Ngày 15/4/2027	

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm nước thải sau xử lý đạt:

+ QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Song Khê-Nội Hoàng (phía Bắc), thành phố Bắc Giang.

+ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B; từ ngày 01/9/2025, áp dụng theo QCVN 40:2025/BTNMT, cột C) trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của CCN Yên Lư, thành phố Bắc Giang.

Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép môi trường đã được cấp, chủ cơ sở phải báo cáo UBND tỉnh Bắc Giang, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Giang để kiểm tra, xem xét, giải quyết theo quy định.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các thông tin theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh Bắc Giang, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Giang, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang, UBND thành phố Bắc Giang để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày /5/2025 của UBND tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

* Tại địa điểm 1 (từ ngày 02/8/2018 đến tháng 12/2026): có 01 nguồn phát sinh khí thải.

Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ quá trình mạ.

* Tại địa điểm 2: Có 01 nguồn phát sinh khí thải

Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ quá trình mạ và phòng Lab (thí nghiệm).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

* Tại địa điểm 1 (từ ngày 02/8/2018 đến tháng 12/2026): Có 01 dòng khí thải

Dòng khí thải số 01: Khí thải tại ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ quá trình mạ.

* Tại địa điểm 2: Có 01 dòng khí thải

Dòng khí thải số 02: Khí thải tại ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ quá trình mạ và phòng Lab (thí nghiệm).

2.1. Vị trí xả khí thải: 02 vị trí (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107^0 , múi chiếu 3^0)

* Tại địa điểm 1 (từ ngày 02/8/2018 đến tháng 12/2026): Có 01 vị trí xả khí thải

Vị trí số 01: 01 vị trí tại ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ quá trình mạ. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2349997; Y = 414615.

* Tại địa điểm 2: Có 01 vị trí xả khí thải

Vị trí số 02: 01 vị trí tại ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ quá trình mạ và phòng Lab (thí nghiệm). Tọa độ vị trí khí xả thải: X = 2343875; Y = 4175623.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

* Tại địa điểm 1 (từ ngày 02/8/2018 đến tháng 12/2026):

Dòng khí thải số 1: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 26.409 m³/giờ, tương đương 633.816 m³/ngày (24 giờ).

* Tại địa điểm 2

Dòng khí thải số 2: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 26.500 m³/giờ, tương đương 636.000 m³/ngày (24 giờ).

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải liên tục (24 giờ) hoặc gián đoạn theo ca làm việc.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (từ ngày 01/7/2025, áp dụng QCVN 19:2024/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ
			QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B	QCVN 19:2024/ BTNMT, cột B	
1	Bụi tổng hoặc bụi (PM) ⁶	mg/Nm ³	200	≤40	Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	CO	mg/Nm ³	1.000	≤ 400	
3	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	500	≤ 300	
4	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850	≤ 400	
5	Đồng và hợp chất, tính theo Cu	mg/Nm ³	10	≤ 5	
6	Kẽm và hợp chất, tính theo Zn	mg/Nm ³	30	≤ 7	
7	Axit Clohydric, HCl	mg/Nm ³	50	≤ 15	
8	Hơi H ₂ SO ₄	mg/Nm ³	50	≤ 20	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có)

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

* Tại địa điểm 1 (Từ ngày 02/8/2018 đến tháng 12/2026).

Khí thải tại các bể mạ (từ quá trình xử lý trước mạ và mạ Ni, mạ (Cu+ Ni)) được thu gom bằng 37 chụp hút (gồm: 23 chụp hút có kích thước 500mmx120mmx200 mm, 14 chụp hút có kích thước 520x480x160) để thu gom, dẫn khí thải về các

⁶ Bụi tổng áp dụng đến ngày 30/6/2025; bụi (PM) áp dụng từ ngày 01/7/2025

đường ống nhân, thu về đường ống chính dẫn về hệ thông xử lý khí thải công suất 26.409 m³/giờ để xử lý

* Tái địa điểm 2:

- Khí thải phát sinh từ các bể mà (quá trình xử lý trước mà, từ quá trình rửa sản phẩm sau gia công; từ quá trình mà Ni; từ quá trình mà (Cu+Ni); từ quá trình mà Zn và quá trình mà Au) được thu gom bằng các chụp hút khí thải bên cạnh bể và chụp hút phía trên bể (gồm: chụp hút kích thước 430mmx100mmx250mm là 62 cái, chụp hút kích thước 500mmx500mmx200mm là 07 cái và chụp hút kích thước 1000mmx500mmx200mm là 05 cái) vào đường ống dẫn khí nhân D150 với tổng chiều dài khoảng 140m, thu về đường ống dẫn khí chính D300 có chiều dài khoảng 14m, đường ống dẫn khí chính D400 có chiều dài khoảng 22m, đường ống dẫn khí chính D500 có chiều dài khoảng 3m, đường ống dẫn khí chính D600 có chiều dài khoảng 20m dẫn về hệ thông xử lý khí thải công suất 26.500 m³/giờ để xử lý.

- Khí thải phát sinh từ phòng Lad (thí nghiệm) được thu gom bằng 01 chụp hút với kích thước 1.000mmx500mmx200mm vào đường ống D250, chiều dài khoảng 2m thu về đường ống dẫn khí chính D300 có chiều dài khoảng 14m, đường ống dẫn khí chính D400 có chiều dài khoảng 22m, đường ống dẫn khí chính D500 có chiều dài khoảng 3m, đường ống dẫn khí chính D600 có chiều dài khoảng 20m dẫn về hệ thông xử lý khí thải công suất 26.500 m³/giờ để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

* Tái địa điểm 1 (Từ ngày 02/8/2018 đến tháng 12/2026)

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thông xử lý khí thải phát sinh từ quá trình mà: Khí thải → Chụp hút → Đường ống dẫn khí → Tháp hấp thụ → Quạt hút ly tâm → Ống thoát khí thải. Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (từ ngày 01/7/2025, áp dụng QCVN 19:2024/BTNMT, cột B).

- Công suất thiết kế: 26.409 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH: 30 kg/năm.

* Tái địa điểm 2

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thông xử lý khí thải phát sinh từ quá trình mà và phòng Lab (thí nghiệm): Khí thải → Chụp hút → Đường ống dẫn khí → Tháp hấp thụ → Quạt hút ly tâm → Ống thoát khí thải. Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (từ ngày 01/7/2025, áp dụng QCVN 19:2024/BTNMT, cột B).

- Công suất thiết kế: 26.500 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH: 50 kg/năm.

1.3. Hệ thông, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố hệ thông xử lý khí thải

- Luôn dự trữ trong kho của cơ sở đầy đủ các thiết bị của hệ thông xử lý khí thải, đặc biệt là các thiết bị hay hư hỏng.

TT	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải từ quá trình mạ và phòng Lab (thí nghiệm)	Bụi (PM); CO; SO ₂ ; NO _x (tính theo NO ₂); Dòng và hợp chất, tính theo Cu; Kẽm và hợp chất, tính theo Zn; HCl; H ₂ SO ₄	Lấy 01 mẫu đơn đầu ra, tần suất 01 ngày/lần, trong 03 ngày liên tiếp. Thời gian dự kiến như sau: - Lần 1: Ngày 13/4/2027 - Lần 2: Ngày 14/4/2027 - Lần 3: Ngày 15/4/2027	QCVN 19:2024/BTN MT, cột B

2.2.3. Tần suất lấy mẫu:

được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội

ly khí thải từ quá trình mạ và phòng Lab (thí nghiệm)

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử

xử lý khí thải từ quá trình mạ và phòng Lab (thí nghiệm) tại địa điểm 2.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải vận hành thử nghiệm: 01 hệ thống

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 01/2027 đến tháng 6/2027.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

- Dùng mọi hoạt động sản xuất cho đến khi sự cố được khắc phục.

môn để khắc phục, đồng thời báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn tại cơ

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải

tại địa phương.

biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền

- Có nhật ký ghi chép quá trình theo dõi, giám sát vận hành, các sự cố xảy ra,

chưa kịp thời.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Định kỳ 03

tháng/lần kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải để phát hiện hỏng hóc và sửa

gây ra sự cố.

- Đào tạo, nâng cao chuyên môn của nhân viên cơ điện và nhân viên phụ trách

để khắc phục, xử lý kịp thời.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đường ống dẫn khí, quạt hút... trong hệ

thống xử lý khí thải nhằm phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép môi trường đã được cấp, chủ cơ sở phải báo cáo UBND tỉnh Bắc Giang, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Giang để kiểm tra, xem xét, giải quyết theo quy định.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh Bắc Giang, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Giang, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang, UBND thành phố Bắc Giang để kịp thời xử lý.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày /5/2025 của UBND tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

* Tại địa điểm 1 (Từ ngày 02/8/2018 đến tháng 12/2026)

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy CNC tạo hình sản phẩm.

- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy nén khí.

* Tại địa điểm 2

- Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy CNC tạo hình sản phẩm.

- Nguồn số 04: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy nén khí.

2. Tiếng ồn, độ rung bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thiết kế, xây dựng, lắp đặt nhà xưởng sản xuất tuân thủ yêu cầu.
 - Tiến hành các biện pháp chống ồn, chống rung cục bộ tại từng thiết bị.
 - Xây dựng vách ngăn nhà xưởng, tường ngăn giữa các khu vực có máy móc, thiết bị có thể gây ồn bằng vật liệu có khả năng cách âm nhằm hạn chế tác động đến công nhân làm việc ở các khu vực khác.
 - Trang bị bảo hộ lao động (nút bịt tai chống ồn) cho lao động tại các khu vực phát sinh tiếng ồn.
 - Thực hiện tốt chương trình bảo trì định kỳ các máy móc, thiết bị của cơ sở.
 - Tuân thủ diện tích cây xanh tại cơ sở theo đúng quy định.
- 2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**
- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giám sát theo tiêu chuẩn đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này và các quy chuẩn Việt Nam hiện hành.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày /5/2025 của UBND tỉnh Bắc Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng tại địa điểm 1 (từ ngày 02/8/2018 đến tháng 12/2026) (kg/năm)	Khối lượng tại địa điểm 2 (kg/năm)
1	Dầu động cơ hộp số bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	450	600
2	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình	07 03 05	5.850	5.850
Tổng cộng			6.300	6.450

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Khối lượng tại địa điểm 1 (từ ngày 02/8/2018 đến tháng 12/2026) (tấn/năm)	Khối lượng tại địa điểm 2 (tấn/năm)
1	Bao bì nilong, bia carton,.....	1,0	1,0
Tổng cộng		1,0	1,0

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

TT	Tên chất thải	Khối lượng tại địa điểm 1 (từ ngày 02/08/2018 đến tháng 12/2026) (kg/tháng)	Khối lượng tại địa điểm 2 (kg/tháng)
1	Chất thải rắn sinh hoạt với thành phần chủ yếu là túi nilong, vỏ chai lọ, vỏ hoa quả bánh kẹo, giấy,...	650	1.560

TT	Tên chất thải	Khối lượng tại địa điểm 1 (từ ngày 02/08/2018 đến tháng 12/2026) (kg/tháng)	Khối lượng tại địa điểm 2 (kg/tháng)
2	Bùn từ bể tự hoại	-	780
3	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	-	104

1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng tại địa điểm 1 (từ ngày 02/8/2018 đến tháng 12/2026) (kg/năm)	Khối lượng tại địa điểm 2 dự kiến (kg/năm)
1	Nguyên liệu, sản phẩm lỗi hỏng bằng kim loại, phoi thép, phoi sắt, phoi nhôm...	07 03 11	14.000	14.000
2	Giẻ lau, găng tay dính dầu mỡ, chất hấp thụ vật liệu lọc	18 02 01	425	500
3	Bao bì kim loại cứng, vỏ thùng, can đựng dầu mỡ kim loại	18 01 02	100	150
4	Bao bì nhựa cứng, vỏ thùng, can đựng dầu mỡ thải bằng nhựa	18 01 03	100	150
5	Nước thải đậm đặc từ quá trình mạ, nước thải chứa Xyanua và nước thải chứa kẽm	02 01 06	1.600	2.000
6	Nước thải từ máy nén khí	19 10 01	62,4	62,4
7	Bùn thải có chứa thành phần nguy hại	12 06 05	300	600
Tổng cộng			16.587,4	17.462,4

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

Địa điểm 1 (từ ngày 02/8/2018 đến tháng 12/2026)	Địa điểm 2
<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích kho chứa: 9 m², bố trí bên ngoài nhà xưởng sản xuất. - Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển chất thải nguy hại mang đi xử lý theo quy định (tần suất 03 tháng/lần). 	<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích kho chứa: 10 m², bố trí bên ngoài nhà xưởng sản xuất. - Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển chất thải nguy hại mang đi xử lý theo quy định (tần suất 03 tháng/lần).

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

Địa điểm 1 (Từ ngày 02/8/2018 đến tháng 12/2026)	Địa điểm 2
<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích kho chứa: 9m², bố trí bên ngoài nhà xưởng. - Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển chất thải mang đi xử lý theo quy định (tần suất 03 tháng/lần hoặc tùy thuộc vào khối lượng chất thải phát sinh). 	<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích kho chứa: 10 m², bố trí bên ngoài nhà xưởng. - Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển chất thải mang đi xử lý theo quy định (tần suất 03 tháng/lần hoặc tùy thuộc vào khối lượng chất thải phát sinh).

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải sinh hoạt

Địa điểm 1 (Từ ngày 02/8/2018 đến tháng 12/2026)	Địa điểm 2
<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích kho chứa: 9 m², bố trí bên ngoài nhà xưởng. - Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt mang đi xử lý theo quy định (tần suất từ 1 đến 3 ngày/lần). 	<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích kho chứa: diện tích 10 m², bố trí bên ngoài nhà xưởng. - Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt mang đi xử lý theo quy định (tần suất từ 1 đến 3 ngày/lần).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải, hệ thống xử lý nước thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải, hệ thống xử lý nước thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố kịp thời; cơ sở chỉ được tiếp tục hoạt động khi xử lý, khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày /5/2025 của UBND tỉnh Bắc Giang)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG: Không.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty TNHH Taneya có trách nhiệm thực hiện:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường; tuân thủ các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình hoạt động của cơ sở. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh cơ sở.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở; định kỳ kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành thường xuyên các hệ thống xử lý nước thải của cơ sở tại 2 địa điểm, cụ thể:

+ Tại địa điểm 1: Vận hành thường xuyên hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 15 m³/ngày đêm để thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của cơ sở bảo đảm đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Song Khê-Nội Hoàng (phía Bắc), thành phố Bắc Giang.

+ Tại địa điểm 2: Vận hành thường xuyên hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10 m³/ngày đêm và hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 20 m³/ngày đêm để thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B; từ ngày 01/9/2025, áp dụng theo QCVN 40:2025/BTNMT, cột C) trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của CCN Yên Lư, thành phố Bắc Giang.

Không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Vận hành thường xuyên các hệ thống xử lý khí thải để thu gom, xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của cơ sở đảm bảo đạt quy chuẩn Việt Nam hiện hành trước khi thải ra ngoài môi trường

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của cơ sở với UBND tỉnh Bắc Giang, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Giang, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang, UBND thành phố Bắc Giang trước ít nhất 10 (mười) ngày, kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát; thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại,... phát sinh theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4 kèm theo Giấy phép này, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 319/TTr-SNNMT ngày 16/5/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Giang và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở./.